

Số: 16/2026/QĐST- DS

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: tổ A, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Trần Thị P, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: tổ C, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi làm việc: tổ B, khu C, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả tiền: tính đến ngày 04/02/2026, bà Trần Thị P còn nợ bà Lê Thị M số tiền nợ gốc 270.000.000đ (Bằng chữ: hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Về phương án trả nợ: chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng, thời hạn bắt đầu từ tháng 3 năm 2026, bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M mỗi tháng

số tiền 4.000.000 đồng (Bằng chữ: bốn triệu đồng), cho đến khi bà P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của một trong các kỳ như cam kết thì bị coi là đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ. Bà M có quyền đề nghị cơ quan thi hành án thi hành quyết định của Tòa án đối với toàn bộ số nợ mà bà P chưa thực hiện và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

Bà Lê Thị M là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.375.000đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho bà M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu